

Số: 344/2023/QĐPT- DS

Long An, ngày 08 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất
để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Nguyễn Văn Cảnh

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Hồng Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên họp: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 344/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất để thi hành án”

Do Quyết định số 09/2023/QĐDS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 700/2023/QĐPT-VDS ngày 09 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** bà Trần Thị K, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1969; địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2023).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đoàn Thị Hồng N, sinh năm: 1989;

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1981;

3. Cháu Nguyễn Ngọc Tâm N1, sinh năm: 2008;

4. Cháu Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh năm: 2012;

Cùng cư trú: Số I, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc Tâm N1; Nguyễn Ngọc Thiên K1: bà Đoàn Thị Hồng N, sinh năm: 1989, địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

5. Anh Nguyễn Trần Hoàng N2, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Số C, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu, đơn yêu cầu bổ sung, trong văn bản cùng ngày 04/04/2023 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bà Trần Thị K cùng người đại diện hợp pháp của bà K là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Căn cứ vào nội dung Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án số 64/2022/QĐCNHGT-DS ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc thì bà Đoàn Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị K số tiền là 115.000.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trên cơ sở đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị K, ngày 19/9/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc ban hành Quyết định số 1703/QĐ-CCTHADS để thi hành án theo yêu cầu. Căn cứ vào Thông báo số 234/TB-THADS ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, bà K đã khởi kiện yêu cầu xác định phần tài sản của bà N trong khối tài sản với ông Nguyễn Văn H để thi hành án cho Quyết định số 64/2022/QĐCNHGT-DS.

Bà Đoàn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Theo bà K, ông H và bà N có tạo lập khối tài sản chung là:

+ Quyền sử dụng thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 292895 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn H, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00153 ngày 11/5/2011, cập nhật thay đổi ngày 17/01/2022.

+ Quyền sở hữu căn nhà trên thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Văn bản số 234/TB-THADS ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc thông báo cho các đương sự gồm bà Trần Thị K, anh Nguyễn Trần Hoàng N2 có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án.

Căn cứ vào Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, bà Trần Thị K yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án là bà Đoàn Thị Hồng N trong khối tài sản chung giữa bà Đoàn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn H; cụ thể là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu nhà ở tọa lạc trên thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An để thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Hồng N trình bày:

Bà N thống nhất với nội dung Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành số 64/2022/QĐCNHGT-DS ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Bà Trần Thị K yêu cầu xác định phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án là bà Đoàn Thị Hồng N trong khối tài sản chung giữa bà Đoàn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn H; cụ thể là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, và $\frac{1}{2}$ căn nhà trên đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An để thi hành án thì bà N không đồng ý. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn H. Bà N và ông H có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Trên thửa đất 1035 (pcl) có căn nhà cấp 4, xây dựng năm nào thì bà N không nhớ nhưng bà N xác định là sau khi cha mẹ cho đất ông H. Hiện tại bà N và ông H đang ở tại căn nhà trên phần đất thuộc thửa 1035 chung với hai người con là Nguyễn Ngọc Tâm N1, sinh năm: 2008 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh năm: 2012. Căn nhà trên đất là tài sản chung của bà N và ông H. Bà N và ông H không có tài sản chung nào khác. Bà N đã nhận được các văn bản do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc phát hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa, đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An là tài sản riêng của ông H, do ông được nhận tặng cho năm 2011 từ cha ruột của ông. Giữa ông H và bà N không có tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trần Hoàng N2 trình bày: Thống nhất với lời ý kiến và yêu cầu của bà Trần Thị K.

Tại Quyết định sơ thẩm số 09/2023/QĐDS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc đã căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Thị K đối với bà Đoàn Thị Hồng N.

Xác định bà Đoàn Thị Hồng N là người có 40% quyền sử dụng đối với thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa và 50% quyền sở hữu căn nhà trên thửa đất 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, vị trí đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 292895 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn H, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00153 ngày 11/5/2011, cập nhật thay đổi ngày 17/01/2022.

2. Về chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng. Bà Trần Thị K tự nguyện chịu và đã nộp xong.

3. Lệ phí: bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm. Tạm ứng bà K có nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012039 ngày 10/5/2023 và 300.000 đồng theo biên lai số 0012220 ngày 21/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang lệ phí, bà K được hoàn trả 300.000 đồng.

Ngày 20/9/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K.

Tại phiên họp, người yêu cầu bà Trần Thị K do ông Nguyễn Văn Đ đại diện không rút đơn yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H không rút đơn kháng cáo, trình bày cho rằng quyền sử dụng thửa đất số 1035 cùng căn nhà xây dựng trên thửa đất là tài sản riêng của ông H, ông H đã được cha mẹ tặng cho đất và xây dựng nhà nên không đồng ý với yêu cầu của bà K. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trần Hoàng N2 trình bày cho rằng, anh là con của bà Trần Thị K, anh có một Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án có nội dung, bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho anh số tiền 240.000.000 đồng, nên anh cũng đồng ý với kết quả giải quyết của Toà án, xác định tài sản của bà N trong khối tài sản với ông H để đảm bảo việc thi hành án cho anh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn phúc thẩm cho rằng, Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật, kháng

cáo của ông H trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H nhận thấy:

Bà Đoàn Thị Hồng N xác định bà N với ông H có đăng ký kết hôn vào năm 2007. Xét thấy quyền sử dụng thửa đất 1035 có nguồn gốc từ cha mẹ ruột của ông H tặng cho ông H vào năm 2011. Ông H cho rằng ông được tặng cho riêng thửa đất này trong thời kỳ hôn nhân, bà N cũng thống nhất với ý kiến này. Tuy nhiên bà N và ông H cùng khai thác, quản lý thửa đất 1035, tiến hành xây dựng căn nhà trên đất và cùng chung sống với hai con là Nguyễn Ngọc Thiên K1 và Nguyễn Ngọc Tâm N1 trong căn nhà này. Ngày 18/11/2021, ông H và bà N đã tặng cho diện tích 150m² thuộc một phần thửa đất 1035 cho bà Nguyễn Thị L. Văn bản tặng cho này, bà N ông H cùng ký tên. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và tài liệu có trong hồ sơ vụ việc thể hiện quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà trên đất tại thửa 1035 là tài sản chung của bà Đoàn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn H.

Do đó, việc bà Trần Thị K yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu phần căn nhà của bà N tại thửa đất 1035 để thi hành án là có căn cứ. Ông Nguyễn Văn H kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng phúc thẩm bác kháng cáo của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Trần Thị K yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản riêng của bà Đoàn Thị Hồng N trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn H, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà K, xác định bà N có 40% quyền sử dụng đối với phần còn lại thửa đất số 1035 tờ bản đồ số 3 và 50% quyền sở hữu đối với căn nhà xây dựng trên thửa đất số 1035, ông H không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, cho rằng thửa đất số 1035 cùng căn nhà trên đất là tài sản riêng của ông H nên làm đơn kháng cáo.

[3] Căn cứ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4004, quyền số 05 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 01/4/2011 thì quyền sử dụng thửa đất số 1035, diện tích 1.804m² loại đất trồng lúa có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị P tặng cho ông Nguyễn Văn H. Ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11/5/2011. Ngày 10/6/2021, ông H hiến 30m² đất để mở rộng đường G. Ngày 18/11/2021, ông H và bà N lập hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị L là em ruột của ông H 150m² đất thuộc một phần thửa 1035, diện tích đất của thửa 1035

còn lại là 1624m². Ông H và bà N đăng ký kết hôn vào ngày 19/02/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17.KH.08, như vậy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà N, ông H và bà N trình bày chung sống từ năm 2007, sau đó mới đăng ký kết hôn, vợ chồng cùng sử dụng đất, xây dựng nhà chung sống từ đó cho đến nay, cùng lập hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất cho bà L, do đất có nguồn gốc của gia đình ông H nên Toà án cấp sơ thẩm xác định 60% giá trị quyền sử dụng đất thuộc về ông H là có căn cứ, ông H không cung cấp chứng cứ mới xác định đây là tài sản riêng của ông H nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo mà cần bác yêu cầu này, giữ nguyên quyết định sơ thẩm. Chấp nhận đề nghị giải quyết việc dân sự của ông Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

[4] Về lệ phí phúc thẩm: do bác yêu cầu kháng cáo của ông H nên ông H phải chịu lệ phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27, 35, 37, 149, 375 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân dân và Gia đình năm 2000; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Thị K đối với bà Đoàn Thị Hồng N.

Xác định bà Đoàn Thị Hồng N là người có 40% quyền sử dụng đối với thửa đất số 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa và 50% quyền sở hữu căn nhà trên thửa đất 1035 (pcl), tờ bản đồ số 3, loại đất lúa theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, vị trí đất tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 292895 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn H, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00153 ngày 11/5/2011, cập nhật thay đổi ngày 17/01/2022.

2. Về chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng. Bà Trần Thị K tự nguyện chịu và đã nộp xong.

3. Về lệ phí: bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 600.000 đồng theo các biên lai số 0012039 ngày 10/5/2023 và biên lai số 0012220 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc. Bà K được hoàn trả 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng lệ phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012460 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm Phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp

Nguyễn Văn Cảnh – Phùng Thị Cẩm Hồng

Lê Thị Kim Nga